SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN SẢN - NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 115 /TM-BVSN

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 11 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Đắk Lắk có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu số 04-HC/2026: Mua sắm bổ sung hoá chất máy xét nghiệm sinh hoá AU480 sử dụng cho quí IV/2026 và 6 tháng đầu năm 2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ tên: Nguyễn Thị Thanh Thuỷ Chức vụ: Văn Thư Phòng TCHC

Điện thoại: 0257.3835106

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: tầng 10 - Phòng văn thư - Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 52 An Dương Vương, Phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk.

(Báo giá ghi rõ nội dung: "Báo giá cho gói thầu số 04-HC/2026 của phòng VTTBYT")

- Nhận qua email: sannhiphuyen@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 03 tháng 11 năm 2026 đến trước 17 giờ ngày 13 tháng 11 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét

5. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2026

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hoá chất. (*Theo Phụ lục 1 đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản hóa chất:

+ Địa điểm cung cấp: Kho VT-TBYT, Tầng 9, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

+ Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến kho VT-TBYT thuộc Bệnh

viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 08 tháng (dự kiến từ tháng 12/2026 đến tháng 07/2027)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng

- Phương thức thanh toán:

+ Hình thức thanh toán: chuyển khoản 100%

+ Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).

+ Thời hạn thanh toán: không quá 90 ngày kể từ ngày cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ

5. Thông tin khác: đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam cung cấp đầy đủ thông tin (*Theo Phụ lục 2 đính kèm*)

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ (*để biết*);
- Web BV, Web Sở y tế, Web Bộ Y tế;
- https://muasamcong.mpi.gov.vn/
- Lưu P.VT-TBYT, VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH ĐẮK LẮK

Nguyễn Khoa Nguyên

Phụ lục 1

DANH MỤC HOÁ CHẤT

(Đính kèm Yêu cầu báo giá số 115 /TM-BVSN ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose	Thành phần tối thiểu: ATP, Hexokinase, G6P-DH. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 13 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	720
2.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea/Urea nitroge	Thành phần tối thiểu: NADH ; 2-Oxoglutarate; Urease; GLDH Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 9 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	318
3.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine	Thành phần: Natri hiđroxit ; Axit picric. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 4 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	714
4.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ AST	Thành phần tối thiểu: L- aspartate; 2-Oxoglutarate; LDH; MDH; NADH Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 10 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 của bệnh viện	ml	100
5.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm đo hoạt độ ALT	Thành phần tối thiểu: L- Alanine; 2-Oxoglutarate; LDH; NADH Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 6 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	150

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	Thành phần tối thiểu: Caffeine; 3,5-dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 16 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	240
7.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	Thành phần tối thiểu: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 16 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	160
8.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid	Thành phần tối thiểu: MADB, Aminophenazone; Peroxidase; Uricase; Ascorbate Oxidase. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 11 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	240
9.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt	Thành phần tối thiểu: Đệm Glycin (pH 1,7); L-ascorbic acid; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 10 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	150
10.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ferritin	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người chứa Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin; Chất hiệu chuẩn 6 mức; Hộp gồm 6 lọ với 6 mức hiệu chuẩn; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	24
11.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ferritin	Thành phần tối thiểu: Đệm Glycin; Tiểu phân Latex phủ kháng thể thỏ kháng ferritin người. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 5 test Ferritin tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480 của bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	180

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
12.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α-amylase	Thành phần tối thiểu: Calcium acetate; Potassium thiocyanate ; CNPG3. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 5 test Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	160
13.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin	Thành phần: Succinate buffer ; Bromocresol green . Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 17 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	87
14.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDH	Thành phần tối thiểu: D(-)N- Methylglucamin buffer, Lactate; NAD+. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 8 test.Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	180
15.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP Latex;	Thành phần tối thiểu: Glycine buffer ; Latex, phủ kháng thể kháng CRP.Số lượng test tối thiểu/ 1mL ≥ 3 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. CRP Latex Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	660
16.	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP Latex Calib	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP Latex; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục. Bộ gồm 5 lọ là chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2
17.	Hoá chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người, các enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480.	ml	70

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18.	Hoá chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. Control serum 1 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	80
19.	Hoá chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Thành phần tối thiểu: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật. Control serum 2 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	80
20.	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hoá	Thành phần tối thiểu: Vật liệu đối chứng dạng lỏng, dựa trên huyết thanh người, có chứa số lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích sau ở các nồng độ trong phạm vi tham chiếu: Ferritin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G Vật liệu này cũng thích hợp để kiểm tra chất lượng nội bộ của phương pháp CRP Latex. ITA control serum 1 Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	8

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21.	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hoá	Thành phần tối thiểu: Vật liệu đối chứng dạng lỏng, dựa trên huyết thanh người, có chứa số lượng đã điều chỉnh của các chất phân tích sau ở các nồng độ trong phạm vi tham chiếu: Ferritin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G Vật liệu này cũng thích hợp để kiểm tra chất lượng nội bộ của phương pháp CRP Latex. ITA control serum 2Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	8
22.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Calci toàn phần	Thành phần tối thiểu : Imidazol ; Arsenazo III ; Triton X-100 Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 11 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	29
23.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Magnesium	Thành phần: ∈-Amino-n Caproic Acid ; Tris ; Glycoletherdiamine-N,N,N', N' tetraacetic acid ; Xylidyl blue. Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 6 test Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	80
24.	Hóa chất kiểm soát xét nghiệm định lượng G6PDH	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng G6PDH; Thành phần: có chứa G6PDH. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	2

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng G6-PDH	Thành phần tối thiểu: Thuốc thử A chứa Saponin; Thuốc thử B chứa Dung dịch đệm Tris, NADP, maleimide; Thuốc thử C chứa Dung dịch đệm Tris, glucose-6-phosphate; Chất hiệu chuẩn S chứa Tris, Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH); Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	316
26.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm)	Thành phần tối thiểu xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm); Thành phần: Đệm bicarbonat, 5-Br-PAPS, Natri citrat, Dimethylglyoxim, chất tẩy rửa; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 6 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	50
27.	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Zn (Kẽm); Thành phần: Chất chuẩn kẽm (trong dung môi nước). Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	3
28.	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng 38 thông số sinh hóa(qc)	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng 38 thông số sinh hóa; Thành phần: Huyết thanh người. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	15
29.	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa(qc)	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa; Thành phần: Huyết thanh người. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	15

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALP	Thành phần tối thiểu cho xét nghiệm định lượng ALP; Thành phần: 2-Amino-2-Methyl-1-Propanol (AMP); p-Nitrophenyl phosphate; HEDTA; Zinc Sulphate; Magnesium Acetate; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 8 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	120
31.	Hóa chất dùngcho xét nghiệm định lượng triglyceride	Thành phần tối thiểu dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: Đệm PIPES; Mg2+; MADB; 4-Aminoantipyrine; ATP; Lipases; Glycerol kinase; Peroxidase); Ascorbate oxidase; Glycerol-3-phosphate oxidase; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 8 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	125
32.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C3; Thành phần: Tris buffer; Polyethylene glycol; Kháng thể dê kháng C3; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 11 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	72
33.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C4; Thành phần: Tris buffer; Polyethylene glycol; Kháng thể dê kháng C4; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥11 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	72

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
34.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần	Thành phần tối thiểu dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Thành phần: R1: Pyrogallol đỏ; Natri Molybdat; Axit succinic; Natri Benzoat, Natri Oxalate; Methanol; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người; Số lượng test tối thiểu/1 mL ≥ 5 test. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	79
35.	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 13 thông số sinh hóa (Qc)	Chất kiểm chứng được sản xuất từ một vật liệu kiểm soát ổn định chất lỏng được điều chế từ huyết thanh người, dùng cho các xét nghiệm sinh hóa trong mẫu dịch não tủy. Mức độ chất phân tích được điều chỉnh với các hóa chất tinh khiết khác nhau. Chất bảo quản và chất ổn định được thêm vào để duy trì tính toàn vẹn của sản phẩm. Sử dụng được cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động AU480. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	14
	Tổng cộng: 35 khoản			

Phụ lục 2

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ[1]

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk, chúng *tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các hóa chất như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	**Danh mục hóa chất[2]**	**Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất, tiêu chuẩn kĩ thuật[3]**	**Mã HS[4]**	**Năm sản xuất[5]**	**Xuất xứ[6]**	**Đơn vị tính**	**Số lượng/ khối lượng[7]**	**Đơn giá[8] (VND)**	**Chi phí cho các dịch vụ liên quan[9] (VNĐ)**	**Thuế, phí, lệ phí (nếu có)[10] (VND)**	**Thành tiền[11] (VND)**
1	Hóa chất A										
2	Hóa chất B										
n	…										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày],* kể từ ngày ... tháng... năm. *..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[(12)]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hóa chất theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục hóa chất" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, tiêu chuẩn kĩ thuật của hóa chất tương ứng với chủng loại hóa chất ghi tại cột "Danh mục hóa chất".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hóa chất.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ, hãng sản xuất của hóa chất.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hóa chất.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hóa chất hoặc toàn bộ hóa chất. Đối với các hóa chất nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và

các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của hóa chất.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hóa chất. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hóa chất (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.